

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2019/ DS -ST

Ngày 28- 01-2019

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á.
2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tư - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST- DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXX ST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST- DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự;

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1959

Trú tại: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh K

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1966.

Trú tại : thôn B, xã Y, huyện N, tỉnh K

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018 và các lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Năm 2016 bà Trần Thị T cho bà Phạm Thị C vay tiền nhiều lần, với lãi suất thỏa thuận bằng lời nói khoảng 3.500.000đồng/100.000.000đồng/ tháng, bà C trả lãi suất cho bà T đầy đủ. Ngày 25 tháng 6 năm 2017 hai bên thỏa thuận thống nhất số tiền bà C mượn của bà T là 436.000.000đ (bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng), bà C viết giấy mượn tiền, trong giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền, số tiền này bà T đưa trực tiếp cho bà C, chồng bà C không biết việc này. Tháng 8 năm 2017, bà C trả cho bà T được 5.000.000đ (năm triệu đồng) còn nợ lại 431.000.000 đồng nhưng đến nay C không trả cho bà. Nay bà T yêu cầu bà C trả cho bà T 431.000.000đ (bốn trăm ba mươi một triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Theo các lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị C trình bày:

Năm 2016, bà C có vay tiền của bà Trần Thị T nhiều lần, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 4.000.000đồng/100.000.000đồng/tháng, bà C đã trả lãi suất đầy đủ cho bà T. Ngày 25/6/2017 bà T buộc bà phải chốt nợ nên bà đã viết giấy mượn tiền cụ thể bà C mượn bà T số tiền 436.000.000đ (bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền, sau khi viết giấy mượn tiền bà C không còn trả lãi suất cho bà T nữa. Số tiền 436.000.000đồng này bà Cảnh đã đưa cho bà Trần Thị L ở thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn mượn vì trước đó bà L có nhờ bà C mượn giúp bà L số tiền 436.000.000 đồng. Tháng 8/2017, bà C trả cho bà T 5.000.000 đồng, bà C thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà T 431.000.000đ (bốn trăm ba mươi một triệu đồng), do bà L chưa trả tiền cho bà C nên bà C không có tiền trả cho bà Th. Do đó, bà C không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Biên bản xác minh ngày 19 tháng 11 năm 2018, chị Trần Thị L cung cấp sự việc: Năm 2017, chị có mượn tiền của bà Phạm Thị C nhiều lần và chị đã trả tiền cho bà C xong, chị không nhờ bà C đến gặp bà T để vay giúp tiền, giữa chị và bà Trần Thị T không quen biết nhau, việc bà T kiện bà C không có liên quan đến chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Phạm Thị C trả cho bà Trần Thị T số tiền 431.000.000đ (bốn trăm ba mươi một triệu đồng); bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị C nhưng tại phiên tòa hôm nay bà C vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị C.

[2] Về nội dung: Ngày 25/6/2017, bà Trần Thị T và bà Phạm Thị C có giao kết hợp đồng dân sự cụ thể bà T cho bà C vay 436.000.000đ (bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền. Tháng 8 năm 2017, bà C đã trả cho bà T 5.000.000 đồng, còn nợ lại 431.000.000 đồng, bà T yêu cầu bà C trả lại tiền nhưng bà C không thực hiện, dẫn đến hai bên phát sinh tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có vay và còn nợ bà T số tiền 431.000.000đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc bà T cho bà C vay số tiền 436.000.000đồng là có thật và đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, bà C phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho bà T.

Việc bà C cho rằng số tiền bà vay của bà T bà đã đưa cho bà Trần Thị L ở thôn Kim Giao Nam, xã Hoài Hải mượn vì trước đó bà L có nhờ bà vay tiền giúp cho bà L nên bà C chỉ là người trung gian, nay bà L chưa trả tiền cho bà C nên bà không có tiền để trả bà T, việc nại này không được bà T chấp nhận và bà C cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 11 năm 2018, chị Trần Thị L cho rằng chị không có nhờ bà C đến gặp bà T để vay giúp chị số tiền 436.000.000 đồng như bà C đã trình bày và chị cũng không biết bà T, số tiền bà C nợ bà T không liên quan đến chị. Như vậy, việc nại của bà C là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà C là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, việc bà T yêu cầu bà C trả lại số tiền vay là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Do vậy, Hội đồng

xét xử xét buộc bà C trả cho bà T số tiền 431.000.0000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà Phạm Thị C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Hoàn trả cho bà T 10.720.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T. Buộc bà Phạm Thị C trả cho bà Trần Thị T 431.000.000đ (bốn trăm ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị C phải chịu 21.240.000đ (hai mươi một triệu hai trăm bốn chục ngàn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà T 10.720.000đ (mười triệu bảy trăm hai chục ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0008115 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Bích

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 08 tháng 01 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân : ông Phan Á

Bà Ngô Thị Thúy Hồng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số : 139 /2018/TLST –DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về : “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” giữa :

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thủy, sinh năm 1959

Trú tại: thôn An Dương 1, xã Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Cảnh, sinh năm 1966.

Trú tại : thôn An Dinh 1, xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Buộc bà Phạm Thị Cảnh trả cho bà Trần Thị Thủy số tiền 431.000.000đ (bốn trăm ba mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án , quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm : Bà Phạm Thị Cảnh phải chịu 10.720.000đồng sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Thủy 10.720.000đồng tiền tạm ứng án phí bà Thủy đã nộp theo biên lai số 0008115 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết : $3/3 = 100\%$

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 01 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

